

Bản án số: **135** /2024/DS-ST
Ngày: 21/8/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đình Quang Tuyến**

Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đình Toàn** – *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Tạng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 190/2024/TLST-DS, ngày 28/3/2024, về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐST-DS ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Thanh P**, sinh năm 1962 và bà **Biện Thị H**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: **Ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.**

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thanh Đ**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: **Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.**

(Ông **P** có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **H** có mặt, bà **Đ** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 29/02/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà **Biện Thị H** trình bày:* Ngày 06/12/2019 (Âm lịch) vợ chồng ông **Trần Thanh P** và bà **Biện Thị H** có cho bà **Trần Thị Thanh Đ** vay số tiền 200.000.000 đồng, ông **P** là người trực tiếp đưa tiền cho bà **Đ**, không làm hợp đồng vay, cũng không có biên nhận, khoản vay không có lãi suất, bà **Đ** có nói mỗi tháng sẽ cho

ông P 4.000.000 đồng tiền uống cà phê, (tương đương lãi suất 2%/tháng) tuy nhiên có tháng đưa tháng không, bà Đ đưa cho ông P được khoảng 01 năm tiền lãi, tương đương số tiền 48.000.000 đồng. Khi cho vay thì bà Đ nói khoảng một năm, nhưng đến hạn bà Đ không trả gốc cũng như không có cho tiền ông P đã hứa. Đến ngày 06/8/2022 Ông P và bà H có làm đơn gửi Công an xã D giải quyết tại đây bà Đ có làm bản cam kết thừa nhận nợ số tiền 250.000.000 đồng, chữ trong bản cam kết là do bà H viết, nhưng bà Đ có ký tên và ghi rõ họ, tên. Trong số tiền 250.000.000 đồng theo bản cam kết thì bà H và bà Đ thống nhất tiền gốc là 200.000.000 đồng, còn tiền lãi là 50.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận mỗi tháng bà Đ trả 14.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ. Quá trình thực hiện bản cam kết bà Đ trả được ba tháng (tổng cộng 42.000.000 đồng), chuyển vào tài khoản của bà H, còn nợ lại số tiền 208.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/02/2024 ông Trần Thanh P và bà Biện Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Thanh Đ phải giao trả một lần cho ông P, bà H số tiền vay còn lại là 208.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đến ngày 04/7/2024 ông Trần Thanh P và bà Biện Thị H có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh Đ phải giao trả một lần cho ông P, bà H số tiền gốc còn nợ lại là 170.000.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền 42.000.000 đồng (trong đó: gốc 30.000.000 đồng, lãi 12.000.000 đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2024 bà Trần Thị Thanh Đ trình bày:

Vào năm 2019 bà Đ có vay của vợ chồng của ông P, bà H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 4.000.000 đồng/tháng (tương ứng 2%/tháng), để kinh doanh quán cà phê, hai bên có lập biên nhận tiền do ông P và bà H giữ, quá trình vay tiền thì bà Đ có đóng tiền lãi đầy đủ cho ông P và bà H, đến tháng 5/2022 do ảnh hưởng của dịch bệnh, không buôn bán được nên bà Đ không có tiền đóng lãi cho vợ chồng bà H nên H có làm đơn yêu cầu Công an xã D giải quyết. Tại đây, bà Đ thừa nhận còn thiếu ông P, bà H tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 50.000.000 đồng và ký vào giấy cam kết vào ngày 06/8/2022 và thoả thuận với vợ chồng ông P, bà H mỗi tháng trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 06 âm lịch cho đến khi trả hết số nợ trên.

Bà Đ trả tiền cho vợ chồng bà H được 03 tháng với số tiền 42.000.000 đồng (Trong đó: Gốc 30.000.000 đồng, lãi 12.000.000 đồng), chuyển khoản qua số tài khoản 070108965604 của bà H tại Ngân hàng S chi nhánh P1.

Thời điểm bà Đ vay tiền đã ly hôn với chồng tên Lê Hoàng A nên số tiền vay này không liên quan gì đến ông A.

Bà Đ thống nhất trả số tiền gốc còn nợ lại là 170.000.000 đồng và không

yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng cho vợ chồng ông P, bà H. Bà Đ xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 20 dương lịch hàng tháng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm về thời hạn thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 195, khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Thanh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bà Đ

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh P và bà Biện Thị H, buộc bà Trần Thị Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho ông P, bà H số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà H về yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Thanh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Thanh Đ vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông P, bà Đ.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Thanh P, bà Biện Thị H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà **Trần Thị Thanh Đ** có địa chỉ cư trú tại **ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang**. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông **Trần Thanh P**, bà **Biện Thị H** và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngày 06/12/2019 (Âm lịch) ông **Trần Thanh P** và bà **Biện Thị H** có cho bà **Trần Thị Thanh Đ** vay số tiền 200.000.000 đồng, hai bên thoả thuận mỗi tháng bà **Đ** sẽ cho ông **P** 4.000.000 đồng để uống cà phê (tương đương lãi suất 2%/tháng) bà **Đ** đưa được cho ông **P** được khoảng số tiền 48.000.000 đồng. Sau một thời gian, bà **Đ** không đưa tiền như đã hứa cho ông **P** nên ông **P** và bà **H** có làm đơn gửi **Công an xã D** giải quyết và hai bên có lập bản cam kết, chốt lại số tiền bà **Đ** còn nợ là 250.000.000 đồng (trong đó gốc 200.000.000 đồng và lãi 50.000.000 đồng) và thoả thuận trả mỗi tháng 14.000.000 đồng (trong đó gốc 10.000.000 đồng, lãi 4.000.000 đồng). Bà **Đ** đã trả được 42.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi 12.000.000 đồng). Nay vợ chồng ông **P** và bà **H** yêu cầu bà **Đ** trả số tiền gốc còn lại là 170.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình Toà án làm việc bà **Đ** thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông **P** số tiền 200.000.000 đồng, có đóng lãi hàng tháng và tính đến nay đã trả được số tiền gốc 30.000.000 đồng, còn nợ 170.000.000 đồng, thống nhất trả số tiền gốc 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lại lãi suất.

Hội đồng xét xử thấy giữa vợ chồng bà **H** và ông **P** phát sinh quan hệ vay tài sản, có thoả thuận lãi suất, có thoả thuận thời hạn trả nợ gốc và lãi thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông **P**, bà **H** có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc nên Toà án đình chỉ một phần yêu cầu theo Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Thanh P** và bà **Biện Thị H**, buộc bà **Trần Thị Thanh Đ** có nghĩa vụ trả cho ông **P**, bà **H** số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà **Trần Thị Thanh Đ** phải chịu án phí đối với số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng (*cụ thể: 170.000.000 đồng x 5% = 8.500.000 đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phú Quốc.

Hoàn trả cho ông **Trần Thanh P** và bà **Trần Thị Thanh Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000 đồng theo Biên lai thu số 0006963, ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Thanh P**, bà **Biện Thị H** đối với bà **Trần Thị Thanh Đ**.

Buộc bà **Trần Thị Thanh Đ** có nghĩa vụ trả cho ông **Trần Thanh P**, bà **Biện Thị H** số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Thanh P**, bà **Biện Thị H** về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà **Trần Thị Thanh Đ** phải chịu án phí đối với số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng (được tính như sau: 170.000.000 đồng x 5% = 8.500.000 đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phú Quốc.

Hoàn trả cho ông **Trần Thanh P** và bà **Trần Thị Thanh Đ** số tiền án phí đã nộp là 5.200.000 đồng theo biên lai thu số 0006963, ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

4. Bà **Biện Thị H** có mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông **Trần Thanh P** và bà **Trần Thị Thanh Đ** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- Chi cục THADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Hà